

Phẩm 18: THẬP VÔ TẬN TẠNG

A. GIẢI THÍCH TÊN GỌI: Nêu ra người phân biệt với pháp cho nên nói là Thập Tạng của Bồ-tát; không phải là người và pháp kết lợp làm đề mục, nghĩa là mười loại này là pháp đã thực hành của các Bồ-tát. Thập Tạng của Bồ-tát, là dựa vào chủ mà lập thành tên gọi.

Một, Dựa vào số tròn vẹn đầy đủ thì nói là Thập, hàm chứa thâm nhiếp tích tụ sinh ra gọi là Tạng, trong mỗi một Tạng này hàm chứa Thể của pháp giới không có phạm vi giới hạn, cho nên nói là Vô Tận.

Hai, Mỗi một Tạng đều thâm nhiếp tất cả hành tướng, cho nên nói là Vô Tận. Ba-Mỗi một Tạng đều có thể sinh ra quả đức không hề có cạn hết, cho nên nói là Vô Tận. Vô Tận tức là Tạng, là Trì nhiếp thích. Dựa theo mười Đới số, Bồ-tát là Y chủ thích, ba cách giải thích có thể biết.

B. Ý DƯA RA có năm nghĩa:

1) Bởi vì giải đáp câu hỏi về Thập Tạng ở Phổ Quang Đường.

2) Trước đây trình bày về Chánh vị, nay dựa vào phần vị phát khởi thực hành, giống như phẩm Phạm Hạnh ở phần trên.

3) Trước đây trình bày dựa theo hạnh riêng biệt của phần vị, nay phân rõ tất cả hạnh từ đầu đến cuối.

4) Trước đây thành lập phần vị của hành, nay phân rõ đối trị làm cho hành ấy thanh tịnh, giống với Thập Hạnh như Tín... ở Thập Địa.

5) Trước đây là Tự phần cứu cánh, nay Thắng tiến hướng về sau, giống như phẩm Minh Pháp ở phần trên, dựa theo câu hỏi nên ở sau Hồi Hướng. Nay ở đây phân rõ thì Tạng chỉ có hai nghĩa, dựa theo nghĩa về tích lũy thì ở sau Thập Hạnh, dựa theo nghĩa về sinh ra thì ở sau Hồi Hướng, nghĩa gồm chung hai nơi, hỏi đáp hiển bày lẫn nhau.

C. TRONG TÔNG đưa ra hai môn: Một- Phân rõ chung về nghĩa của Tạng, hoặc một giống như một pháp giới Tạng; hoặc hai đó là Đại-Tiểu; hoặc ba đó là Khế kinh... cùng với Tam thừa...; hoặc bốn là thêm Tạng Tạng; hoặc năm đó là Danh Tướng...; hoặc sáu đó là Đại-Tiểu đều có ba; hoặc chín đó là Độc giác cũng có ba; hoặc mười như phẩm Ly Thế Gian sau này; hoặc vô tận như phẩm này. Hai- Riêng biệt hiển bày về Tông này, thì trong này chính là mười loại hành pháp bao gồm trọn vẹn trước sau, đầy đủ hành đức pháp giới Phổ Hiền làm Tông của Phẩm này.

D. TRONG GIẢI THÍCH VĂN, tất cả văn và nghĩa tổng quát đưa ra sáu môn: Một, Nêu ra số lượng; Hai, Giải thích tên gọi; Ba, Thể

tánh; Bốn, Thâu nhiếp hạnh; Năm, Giải thích về tướng; Sáu, Kết luận ca ngợi.

Một, Trong phần một: Công Đức Lâm thuyết giảng bởi vì vốn là Hội chủ, lại vốn là biểu thị cho kiến lập về các đức của hành pháp này. Ba đời cùng thuyết giảng, nghĩa là Phật xuất hiện tuy khác mà cùng thuyết giảng về Thập Tạng, hiển bày về mười loại hạnh của pháp giới này, như đường đi của Đại Vương, ba đời không có gì thay đổi, cho nên nói là cùng thuyết giảng.

Hai, Giải thích tên gọi: Tên gọi tổng quát như trước. Trong riêng biệt: Một, Tín là đối với Thật đức có năng lực nhẫn nại sâu sắc, mong muốn vui với tâm thanh tịnh là tánh; đối trị không tin, vui với thiện là nghiệp. Vì vậy hàm chứa thâu nhiếp sinh ra các đức, cho nên gọi là Tạng, là Trì nghiệp thích. Xuống dưới đều giống như vậy. Hai, phòng ngừa điều sai trái gọi là Giới, ba nghiệp thiện là tánh; ngăn điều ác làm điều thiện là nghiệp. Ba, Tâm là dựa vào lực của tự pháp, kính trọng Hiền thiện là tánh; đối trị Vô tâm, chấm dứt làm ác là nghiệp. Bốn, Quý là dựa vào lực của thế gian, dễ dàng cự tuyệt bạo ác là tánh; đối trị Vô quý, chấm dứt làm ác là nghiệp. Năm, nuôi dạy học rộng biết nhiều, Văn Tuệ là tánh; thông minh nhanh nhạy là nghiệp. Sáu, bỏ của mình giúp cho người, không tham lam suy nghĩ là tánh; phá bỏ keo kiệt là nghiệp. Bảy, Tuệ là đối với cảnh sở quán, chọn lựa là tánh; đoạn trừ nghi ngờ là nghiệp. Tám, Niệm là đối với cảnh đã từng luyện tập, khiến cho tâm ghi nhớ rõ ràng không sai lạc là tánh, Định dựa vào là nghiệp. Chín, Trì là do duy trì giữ gìn mà ghi nhớ, Niệm Tuệ là tánh; trải qua thời gian dài không quên là nghiệp. Mười, Biện là khéo léo nói ra điều đã duy trì, lấy Tuệ làm tánh; tùy theo căn cơ là nghiệp. Trong mười loại trên đây, Tín-Tâm-Quý-Niệm-Tuệ, năm loại này đều ngay nơi Thể mà được tên gọi, năm loại còn lại thuận theo công năng mà được tên gọi, đó là Giới-Thí lấy Dụng của Hành mà lập thành tên gọi, Văn-Trì-Biện lấy Dụng của Trí làm tên gọi.

Ba, Trong Thể tánh có hai môn: 1) Dựa theo Tướng, Tín-Tâm-Quý là ba pháp trong 11 pháp thiện đều ngay nơi tự Thể làm tánh, Niệm-Tuệ là hai pháp trong năm biệt cảnh cũng ngay nơi tự Thể làm tánh, Giới lấy Tư thiện của ba nghiệp và Biểu-Vô biểu làm tánh, Thí lấy Tư tương ứng với Vô tham làm tánh, dựa vào Trí Luận thì Trì lấy Định-Tuệ làm tánh, hai loại Văn-Biện đều lấy Dụng của Tuệ làm tánh. 2) Dựa theo Dung thông thì toàn bộ là hạnh của một pháp giới, tùy theo nghĩa nói thành mười: Một là nghĩa về tánh pháp giới tự lắng trong như

Thanh Thủy châu. Hai là nghĩa về tánh pháp giới tự lìa xa lỗi lầm. Ba và bốn đều là nghĩa về tánh pháp giới có năng lực diệt trừ lỗi lầm. Năm là nghĩa về pháp giới thâm nhiếp đức rộng nhiều. Sáu là nghĩa về tự tánh pháp giới hiểu biết thông suốt. Tám là nghĩa về tự tánh pháp giới soi chiếu rõ ràng. Chín là nghĩa về tự Thể pháp giới tùy ý duy trì. Mười là nghĩa về pháp giới tùy duyên ứng cơ. Vì thế cho nên một pháp giới là tánh.

Bốn- Thâu nhiếp hạnh đưa ra bảy môn:

1) Dựa theo Tự lợi-Lợi tha để phân biệt: Luận riêng biệt thì chín loại trước là Tự lợi, một loại sau là Lợi tha; luận tổng quát thì đều có đủ hai hạnh.

2) Dựa theo căn bản-đầu ngọn để phân biệt: Một loại đầu là hạnh căn bản, cho nên trước đây nói Tín là căn bản của đạo, mẹ của công đức..., còn lại đều dựa vào mà thành tựu vốn là đầu ngọn.

3) Dựa theo Chánh-Trợ để phân biệt: Tuệ là Chánh, còn lại là Trợ.

4) Dựa theo giúp đỡ-dẫn dắt để phân biệt: Tuệ là có năng lực dẫn dắt, còn lại là thụ động được dẫn dắt; còn lại là có năng lực giúp đỡ, Tuệ là thụ động để giúp đỡ.

5) Dựa theo tài sản-canh giữ để phân biệt: Bảy loại trước tức là bảy Thánh tài, do Niệm-Trì canh giữ bảo vệ khiến cho không tổn thất, do Biện mua bán khiến cho được tăng trưởng.

6) Dựa theo hành tướng để phân biệt: Bốn loại trước là hạnh lìa xa lỗi lầm, một là căn bản, hai là phòng ngừa lỗi lầm chưa khởi lên, ba và bốn là diệt hết lỗi lầm đã khởi lên; sáu loại còn lại là hạnh tu tập pháp thiện, Văn là bắt đầu tu, Thí-Tuệ là tiếp tục tu, sáu Độ là đều tu, nêu ra loại đầu-nêu ra loại sau, những loại trung gian có thể biết. Ba loại sau là tu đến cuối cùng, hai loại đầu là Tự thuần thực, một loại sau là Hóa tha.

7) Dựa theo thứ tự sinh khởi để phân biệt: Tín là ban đầu tiến vào pháp, cho nên trước phải phân rõ. Dựa vào Tín khởi Hạnh, lìa xa lỗi lầm là trước tiên, cho nên tiếp theo trình bày về Giới. Giới hoặc có phạm vào thì sinh tâm Tàm-Quý sâu sắc, trang nghiêm giới hạnh khiến cho sáng ngời, vì thế nói là có hai pháp thiện có thể cứu giúp lỗi lầm của chúng sinh. Đã phòng ngừa lìa xa mong mỗi tăng thêm phẩm thiện, thì cần phải lấy sự nghe rộng biết nhiều làm đầu tiên. Bởi vì mong cầu được nghe, thì cần phải buông xả trong ngoài của mình. Đã quên mình vì pháp, thì chắc chắn Chánh Tuệ hiện rõ trước mắt. Chánh Tuệ đã hiện

rõ, thì nhất định Chánh Niệm phải sáng tỏ thêm. Chánh Niệm đã sáng tỏ, thì nhất định ghi nhớ giữ gìn phải làm cho lâu dài. Giữ gìn đã không quên, thì nhất định phải biện luận giảng giải cho người khác, khiến cho Tự lợi-Lợi tha tròn vẹn mới là cứu cánh.

Năm, Trong giải thích về tướng: Giải thích về mười Tạng này tức là mười đoạn.

Ngay trong đoạn thứ nhất là Tạng Tín có bốn, đó là nêu ra-giải thích-kết luận-ca ngợi.

Trong giải thích có hai: Trước là trình bày về tướng tu, sau từ “Thành tựu như thị vô lượng...” trở xuống là trình bày về tu thành tựu.

Trong phần trước có ba: Một là trình bày về đối với pháp khởi Tín; hai là trình bày nhờ vào Tín cho nên nghe pháp không sợ hãi; ba từ “Hà dĩ...” trở xuống là giải thích về nguyên cơ không sợ hãi. Lại giải thích: Đầu là tin về Lý pháp, tiếp là tin về Giáo pháp, sau là tin về Quả pháp.

Trong phần một, Tín có mười pháp, trong đó: Đầu là ba Tín thuộc Sở chấp Vô tướng, Không nghĩa là tình có mà lý không có gọi là Không, Không không có tướng Không gọi là Vô tướng, Vô tướng cho nên không có gì nguyện cầu. Tiếp là ba Tín thuộc Y tha Vô sinh, một là Duyên khởi vô tác, hai là Như huyền không thật, ba là không có Thể tự giữ lấy. Sau là bốn Tín thuộc Viên thành Vô tánh, một là tánh đức Vô lượng, hai là thù thắng cho nên Vô thượng, ba là sâu xa không thể đến được, bốn là thường không thể sinh ra. Lại trong phần đầu là tất cả pháp, lượng không thể đạt được, trên cũng không thể đạt được tướng trên, vẫn nói tướng trên không thể đạt được cho nên gọi là Vô thượng; là nói đến nghĩa này.

Trong phần hai là nhờ vào Tín cho nên nghe pháp không sợ hãi, trong đó có mười câu: Đầu là hai câu không sợ hãi đối với pháp thù thắng trên cao, tiếp là bốn câu không sợ hãi đối với pháp rộng nhiều. Thế nào là đã giáo hóa? Đó là chúng sinh giới. Dùng pháp gì để giáo hóa? Đó là pháp giới. Giáo hóa nơi nào? Đó là tận cùng hư không giới. Giáo hóa đưa vào nơi nào? Đó là Niết-bàn giới. Sau cuối là bốn câu không sợ hãi đối với pháp xa rộng, đó là ba đời hòa vào kiếp làm mười đời. Không nghĩ bàn trong mười câu này có hai nghĩa: Một là không hề có gì mà nói là có, vì vậy không phải là có thể có, không có gì có thể nghĩ bàn; hai là mười pháp như vậy đều vô biên vô tận, không phải là trí của phần vị khác có thể biết được, cho nên nói là không nghĩ bàn. Cũng nhờ vào hai Tín cho nên nghe mà không kinh sợ: Một là nhờ vào

Tín thông hiểu về lý của ba Tánh-ba Vô tánh, cho nên nghe môn thứ nhất mà không kinh sợ; hai là nhờ vào Tín trí Phật bình đẳng vô lượng vô biên, đây đã là trí Phật nhận biết thì mình cũng tùy theo Tín, cho nên nghe môn thứ hai mà không kinh sợ. Nghĩa thứ nhất như trước hiển bày, nghĩa thứ hai trong giải thích làm sáng tỏ.

Trong phần ba là giải thích: Trước là nêu ra, sau là giải thích.

Trong giải thích, một câu đầu hiển bày về tâm tin Phật kiên cố, câu tiếp trình bày về mười pháp trước đây là do trí Phật nhận biết, cho nên nói là Phật nhận biết như vậy. Cảnh rộng lớn ấy Đức Phật làm sao nhận biết? Bởi vì trí Phật cũng vô tận vô biên như cảnh ấy, cảnh ấy Đức Phật đã nhận biết, Bồ-tát tin theo Phật cho nên không kinh sợ.

Từ “Thập phương...” trở xuống giải thích về trí Phật là nguyên cơ đáng tin: Một là Đại Dụng không hư rộng cho nên đáng tin; hai từ “Bỉ chư Phật...” trở xuống trình bày về Thể không có thêm bớt cho nên đáng tin. Trong đó có mười pháp hay không? Văn này hiển bày về trí Phật không phải là pháp sinh diệt giống như vô vi.

Trong phần sau là tu thành tựu Tướng, có hai: Một, một câu tổng quát về nương theo Như Lai thừa hưởng đến quả Phật. Hai, trong riêng biệt hiển bày có hai: Trước là thành tựu Thể của hành có tám câu: 1) Xứng với Tín cho nên vô biên, 2) Thể kiên cố không lui sụt, 3) Tín không xen tạp cho nên gọi là không rối loạn, 4) Duyên không có thể ngăn cản, 5) Tín sâu sắc lìa xa tướng, 6) Tín từ Tuệ phát khởi. Kinh Niết Bàn nói từ Văn Tuệ phát sinh. Lại nữa, Tín có Tuệ gọi là có căn, Tín mà không có Tuệ thì lớn thêm Vô minh, Tuệ mà không có Tín thì lớn thêm Tà kiến, cho nên Tín và Tuệ đầy đủ thì mới có thể tiến vào pháp. Lương Nhiếp Luận quyển thứ 11 nói: “Bởi vì Bồ-tát tự chứng về Thí cho nên thực hành về Thí, không bởi vì tin theo người khác mà thực hành về Thí. Tín trước có căn cho nên trở thành Tín, Tín sau không có căn cho nên không trở thành Tín.” 7) Thuận theo giống như Cổ Thánh, 8) Pháp của gia nghiệp vốn như vậy.

Sau là hiển bày công năng của hạnh, có bốn câu: 1) Có năng lực bảo vệ Chánh pháp; 2) Có năng lực tăng thêm về nhân; 3) Có năng lực thuận theo quả; 4) Đức từ Phật sinh ra.

Từ “Thị danh...” trở xuống là kết luận. Từ “Trú thử...” trở xuống là ca ngợi có hai Lợi, có thể biết.

Trong đoạn thứ hai là Tạng Giới có ba, đó là nêu ra-giải thích-kết luận.

Trong giải thích có hai: Trước là đưa ra mười chương, sau là nhắc

lại từng chương một để mở rộng giải thích.

Quang Thống nói: “Một chương đầu là Nhiếp chúng sinh giới, tám chương tiếp là Nhiếp thiện pháp giới, một chương sau là Luật nghi giới.”

Lại trong chương thứ hai, không thọ các giới quạ gà nai chó... của ngoại đạo.

Trong chương thứ tư, bởi vì trước không phạm cho nên sau không có nghi ngờ hối hận. Dựa theo văn này, tựa như người cố tình phạm tất cả giới, xưa kia đã từng gây ra năm tội nghịch mà đến, đó là tập khí ác của họ.

Lại kinh Niết Bàn nói: “Vì sao trì giới? Bởi vì không hối hận. Vì sao không hối hận? Bởi vì hoan hỷ. Vì sao hoan hỷ? Bởi vì vui thích, cho đến bởi vì đạt được Đại Niết-bàn.”

Trong chương thứ năm, không ăn bơ-muối... bởi vì trải qua tạo lập; lại đoạn tuyệt gạo mè chỉ nuốt không khí... đều là pháp của ngoại đạo chế lập.

Trong chương thứ bảy, nếu dùng Đoạn kiến-Thường kiến để trì giới, thì tức là xen tạp Vô minh, cho nên gọi là phạm giới.

Trong chương thứ tám, tà mạng hoặc có bốn loại: Một là Phương khẩu thực, hai là Ngưỡng khẩu thực, ba là Duy khẩu thực, bốn là Hạ khẩu thực.

Lại luận Thập Trú quyển thứ 2 nói: “Thế nào gọi là năm pháp tà mạng? Một là cố ý làm khác người, hai là tự mình găn gũi, ba là làm cho xao động, bốn là ghìm xuống nâng lên, năm là dựa vào lợi mong cầu lợi.

Một là cố ý làm khác người, có người bởi vì tham cầu lợi dưỡng, cho nên hoặc ở chốn A-luyện-nhã, hoặc mặc nạp y, hoặc thường khát thực, hoặc một lần ngồi ăn, hoặc thường ngồi, hoặc sau bữa trưa không uống nước đặc, thọ những hạnh Đầu-đà như vậy, dấy lên nghĩ rằng: Người khác thực hành những hạnh này được cung kính cúng dường, mình thực hành những hạnh này có lẽ cũng được điều đó. Bởi vì lợi dưỡng cho nên thay đổi oai nghi, gọi là cố ý làm khác người.

Hai là tự mình găn gũi, có người vì tham lợi dưỡng mà đến nhà Đàn việt nói rằng: Như cha mẹ-anh chị em-thân thích của tôi không khác, nếu có cần thiết thì tôi có thể qua lại với nhau, nếu có việc làm thì tôi làm cho, tôi không kể xa gần có thể đến thăm hỏi, tôi ở đây là vì tướng chính đáng mà thôi. Bởi vì tham cầu cúng dường, đấm theo Đàn việt, mà luôn luôn dùng lời nói hoa mỹ dặt dấn tâm người, như vậy đều

gọi là tự mình gôn gũi.

Ba là làm cho xao động, có người không nghĩ đến tội lỗi của tham, mong muốn có được tiền bạc đồ vật, dấy lên ý tưởng có được đồ vật mà nói như vậy: Bình bát này đẹp, hoặc y phục đẹp, hoặc móc cửa đẹp, hoặc tọa cụ đẹp, nếu mình có được thì có thể thọ dụng. Lại nói tùy ý có thể giúp cho. Người này khó có được, lại đến nhà Đàn việt nói ra lời này: Nhà ông cơm canh bánh thịt thơm ngon, y phục lại đẹp, nên cúng dường cho tôi. Mình vì gôn gũi đã lâu, chắc chắn sẽ được cho. Hiện bày rõ ràng tướng tham như vậy, thì gọi là làm cho xao động.

Bốn là ghìm xuống nâng lên, có người vì tham lợi dưỡng cho nên nói với Đàn việt rằng: Ông thật là keo kiệt, hãy còn không thể nào giúp cho cha mẹ-anh chị em-vợ con thân thích của mình, thì ai có thể có được đồ vật của ông? Đàn việt hổ thẹn vội vàng đem cho. Lại đến nhà khác nói ra lời này: Ông có phước đức có được thân người không trống rỗng, A-la-hán thường ra vào nhà ông, cùng đứng ngồi trò chuyện với ông. Dấy lên ý nghĩ này, Đàn việt hoặc sinh khởi tâm này: Lại không có người nào khác ra vào nhà mình. Nhất định nói là chính mình. Đây gọi là ghìm xuống nâng lên.

Năm là dựa vào lợi mong cầu lợi, có người lấy đồ vật sinh hoạt được giúp đỡ như bình bát, y Tăng-già-lê hoặc là tọa cụ..., mang ra chỉ rõ nói với người: Như vua chúa quan lại và những người cao quý cho tôi vật này. Dấy lên nghĩ rằng: Đàn việt hoặc có thể sinh tâm, vua chúa quan lại và những người cao quý kia hãy còn có thể cúng dường, huống gì là mình mà không tặng cho người này hay sao? Dựa vào lợi này lại cầu lợi khác, cho nên nói là dựa vào lợi mong cầu lợi.”

Trong chương thứ chín, kinh Chư Pháp Vô Hành nói: “Nếu thấy người phá giới thì không nói lỗi lầm xấu ác của họ, nên nghĩ rằng người ấy về lâu dài cũng đạt được đạo.

Hỏi: Kinh Niết Bàn nói: “Thấy người phá giới thì cần phải trách mắng đuổi ra ngoài trú xứ, nên biết người này có được phước vô lượng.” Văn này vì sao lại che chở không trách mắng, lẽ nào là vì thâm nhiếp chúng sinh?

Đáp: Kinh ấy dựa theo tâm Từ trách mắng khiến cho ăn năn hối lỗi, bởi vì căn khí thuần thực; văn này dựa theo che chở người ấy, sợ rằng lại tăng thêm tâm ác, bởi vì căn chưa thuần thực. Văn còn lại có thể biết.

Đoạn thứ ba-thứ tư là Tạng Tâm-Tạng Quý, kinh Niết Bàn nói: “Tâm là thẹn với trời, Quý là thẹn với người; Tâm là tự mình không làm

ác, Quý là không dạy người khác làm ác; Tàm là bên trong tự mình hổ thẹn, Quý là hướng về người mà bày tỏ lỗi lầm.” Lại luận Câu Xá nói: “Vô tàm là nếu bị người thiện trách mắng, ở trong đó không thấy sợ hãi, thì gọi là Vô tàm; Vô tu là không tôn trọng đối với công đức và người có công đức, tâm không có kính sợ, gọi là Vô tu.” Vô tu ấy là Vô quý. Kinh Bộ nói: “Quán xét tự thân do lỗi lầm không hổ thẹn gọi là Vô tu, quán xét thân khác do lỗi lầm không hổ thẹn gọi là Vô tàm.” Lại luận Du Già-Đối Pháp-Duy Thức v.v...

Trong Tạng Tàm giải thích có ba: Một, nghĩ đến lỗi lầm Vô tàm của mình và người xưa kia, trong đó trước là mình-sau là người, lục thân đó là cha mẹ-anh em-vợ con là sáu. Hai, từ “Tự duy...” trở xuống là nêu ra lỗi lầm tự nhắc nhở mình. Ba, từ “Thị cố...” trở xuống là đích thực tu tập hạnh Tàm. Trong Tạng Quý có ba nghĩa, giống như Tàm có thể biết.

Đoạn thứ năm là Tạng Đa Văn, trong giải thích có hai: Trước là pháp đã học, sau từ “Ma-ha-tát...” trở xuống là trình bày về ý của Học.

Trong phần trước cũng có hai: Trước là đưa ra mười chương, sau là lần lượt giải thích.

Trong mười chương, bốn chương đầu dựa theo 12 duyên sinh (tra tìm trong Du-già), lý thật thì xuất thế gian cũng có lúc không có giữ lấy năm uẩn, nay thì giữ lấy uẩn tích tập gánh nặng của khổ, cho nên là thế gian. Lại dựa theo Tiểu thừa cũng được. Lại năm phần Pháp thân vượt qua năm uẩn trước đây, cho nên là xuất thế. Lại lý thật thì hữu vi trải qua tất cả phần vị khác, nay giữ lấy ba cõi và chúng sinh đều là việc làm của hoặc nghiệp, cho nên là hữu vi.

Ở trong pháp Vô vi: 1) Khai hợp, hoặc chỉ nói là ba, đó là Hư không-Trạch diệt và Phi trạch diệt, đây là dựa theo Tiểu thừa. Hoặc nói là bốn, thêm vào Chân như, như luận Chưởng Trân nói. Hoặc nói là sáu, thêm vào Bất động..., là Thiền thứ tư và Diệt định, như luận Bách Pháp... nói. Hai loại này dựa theo Sơ giáo ban đầu mà nói. Hoặc nói là tám, ở trong Chân như tách ra Chân như thuộc pháp thiện, Chân như thuộc pháp bất thiện, Chân như thuộc pháp vô kí, như Du Già-Đối Pháp nói. Đây là dựa theo Sơ giáo cuối cùng mà nói. Trong bốn loại, Trạch diệt có hai nghĩa: Một, diệt trừ Hoặc chướng gọi là Trạch diệt; hai, diệt trừ Định chướng gọi là Bất động và Diệt định, vì thế cho nên tổng quát thân nhiếp ở trong Trạch diệt. Trong tám loại, bởi vì muốn dần dần mở rộng tất cả pháp đều là Chân như, cho nên tách ra ba tánh như thiện...

để hiển thị về môn giải thích. 2) Giả thật, chỉ riêng Chân như Vô vi là thật, còn lại đều là giả, bởi vì đối với giả mà kiến lập như trên, như luận Phật Địa nói v.v...

Lại trong Chân như cũng có hai: 1) An lập bởi vì là Tướng phân; 2) Không phải là an lập bởi vì không phải là Thức hiện bày. Đầu là giả, sau là thật.

Ba nghĩa chuyển đổi khác nhau thì như sáu Vô vi trong văn này: 1) Sự không có nơi chốn gọi là hư không; 2) Quả của tánh thanh tịnh gọi là Niết-bàn; 3) Do đạo Vô gián thường xuyên đoạn kết mà đạt được gọi là Số duyên diệt; 4) Duyên khác không khởi lên gọi là Phi số duyên; 5) Mười hai nhân duyên là Vô vi, theo luận Câu Xá-Tăng Kỳ Bộ-Độc Tử Bộ đều nói mười hai nhân duyên là pháp Vô vi, bởi vì Như Lai xuất thế hay không xuất thế thì pháp này vẫn thường trú. Sự thuộc Kinh Bộ phá bỏ như thuyết của bộ phái ấy. Vả lại, Pháp sư Viễn dẫn ra kinh Niết Bàn giải thích, ngay nơi con người luận về ba đời lưu chuyển thì đó là Hữu vi, rời bỏ con người bàn về pháp thì pháp tướng thường xác định, cho nên nói là Vô vi. Như mười hai nhân duyên, Âm-Giới-Nhập... tất cả đều như vậy, như kinh Niết Bàn nói. Nay giải thích, bởi vì duyên khởi này đều không có tự tánh, đều không có tạo tác, cho nên gọi là Vô vi. Kinh Niết Bàn nói: “Mười hai nhân duyên tức là Phật tánh.” Lại kinh Đại Phẩm nói: “Bồ-tát quán xét mười hai nhân duyên giống như hư không, không thể cùng tận...” 6) Pháp giới là Thể của Như Lai Tạng, thật sự không sinh diệt, cho nên là Vô vi.

Lại đối với một nghĩa về Chân như thiết lập sáu loại này: 1) Nghĩa về Vô tướng; 2) Nghĩa về Sở chứng; 3) Nghĩa về Hoặc không còn; 4) Nghĩa về Tánh thanh tịnh; 5) Nghĩa về Tùy duyên; 6) Nghĩa về Bất biến, cũng là nghĩa về làm nhân.

Trong Hữu ký, bốn Đế... là dựa theo pháp thiện thuận với lý có thể ghi nhớ. Trên đây phần nhiều là pháp Tiểu thừa.

Sau trong Vô ký, bởi vì pháp hư vọng cho nên không thể ghi nhớ. Trí Luận nói mười bốn nạn, trong này có mười sáu loại. Trong luận Câu Xá nói: “Có ngoại đạo tên gọi Úc-chi-ca, Trung Hoa nói là Năng Thuyết, hỏi Đức Phật về bốn loại như thế gian Hữu biên-Vô biên..., đây là dựa theo Thủ-Chung để hỏi; bốn loại như Thường-Vô thường..., là dựa theo Đoạn-Thường mà hỏi, cho nên không đáp. Nếu người ấy đã chấp Ngã là thế gian thì bởi vì Ngã không có, cho nên đáp không đúng lý. Nếu chấp tất cả sinh tử gọi là bốn thế gian thì đáp cũng không đúng lý. Nếu thế gian thường trú thì không có một người nào đạt được

Niết-bàn. Nếu không phải là thường trú thì tất cả đều đoạn diệt mà tự nhiên Niết-bàn. Nếu có đủ hai loại thì nhất định một phần không đạt được Niết-bàn, một phần tự nhiên Niết-bàn. Nếu không phải là Thường, không phải là không Thường, thì lẽ ra không phải là đạt được Niết-bàn, không phải là không đạt được Niết-bàn.”

Hỏi: Nếu tự nhiên đạt được Niết-bàn thì có gì sai?

Đáp: Nếu tự nhiên đạt được thì từ Niết-bàn mà đến, bởi vì đạt được tùy thuộc vào đạo, do đó như Ni-càn-tước-ác không thể nhất định đáp.

Hỏi về Như Lai có bốn loại như Di-Tử..., đây là dựa theo buộc vào-cởi ra mà hỏi, bởi vì ngoại đạo chấp Phạm Vương và thầy của mình đã đạt được giải thoát, gọi là Như Lai. Do quán xét ý của người hỏi, cho nên Đức Phật không đáp, bởi vì người ấy chấp đã giải thoát Ngã gọi là Như Lai, đã chấp có Ngã cho nên Đức Phật không đáp. Ngoài ra tra tìm trong Trí Luận quyển thứ 2, thứ 17, Du-Già, Câu Xá, Xá-lợi-phất A-tỳ-đàm cùng với Chánh sở thì toàn bộ có thể có đưa ra điều này.

Trong bốn câu thứ ba, trong bốn câu như đi-không như đi..., Như Lai là như từ trước đến nay, về sau này cũng như vậy, cho nên nói là Như Lai, không phải là Phật. Bốn câu sai khác thế nào? Có người chấp Thân ngã và Ấm như nhau, Ấm diệt thì Ngã cũng diệt, nếu nói đi vẫn như lúc đến, thì lời này không chấp nhận. Hai là chấp Ngã và Ấm khác nhau, Ấm diệt mà Ngã không diệt, nếu nói đi không như lúc đến, thì điều này cũng không chấp nhận. Ba là chấp Thể của Ngã thường còn như hư không, nói có đến-đi đều không chấp nhận. Bốn là chấp Ngã có thô-tế, nói không có đến-đi cũng không chấp nhận, nghĩa là Ngã thô và Ấm như nhau, cùng diệt cho nên như đi; Ngã tế và Ấm khác nhau, không cùng diệt cho nên không như đi, không chấp nhận.

Trong bốn câu thứ tư, Ngã là Thể-chúng sinh là Dụng, do Ngã mà có chúng sinh, dựa vào Thể mà có Dụng. Hai là trái lại với điều này. Ba là giữ lại cả hai. Bốn là trái lại với cả hai. Vẫn còn lại có thể biết.

Đại khái là pháp đã học trên đây đều bởi vì nhận biết về pháp của Tiểu thừa và pháp của ngoại đạo..., vì muốn dựa vào đây để thâm nhập chúng sinh, cho nên sau là trình bày về ý của Học, có thể biết.

Trong đoạn thứ sáu là Tạng Thí, trong giải thích: Trước là đưa ra mười môn, sau là lần lượt giải thích từng môn một. Mỗi một môn đều có ba, đó là nêu ra-giải thích và kết luận.

Trong môn thứ nhất, do thói quen vốn có từ lâu cho đến tự mình ăn uống, cũng có tâm bố thí, nghĩa là rời bỏ mạng sống cần thiết nhất

mà nhận lấy sự chết yểu, tiếp cận bên cái chết gọi là tai nạn cuối cùng. Lại vốn là ở sau cuối trong các loại bố thí. Trong bố thí thuộc phần bên trong, Luân Vương trẻ trung là trình bày về khó rời bỏ mà có thể rời bỏ. Bố thí thuộc phần bên trong-bên ngoài, theo Du-già thì cắt tóc-xỉa răng-nhỏ thức ăn... là thuộc phần bên trong-bên ngoài. Trong này gồm chung y báo và chánh báo, chỉ trừ ra vợ con. Trong tất cả bố thí cùng có vợ con vốn là riêng biệt.

Trong môn thứ bảy là bố thí quá khứ: 1) Nêu ra cảnh của tham lam; 2) Từ “Vấn dĩ...” trở xuống là dùng lý chính thức quán xét, trong đó trước là thẳng thắn quán xét về Không mà không sai lạc phương tiện, sau là so sánh về sự lụi tàn ấy; 3) Từ “Bồ-tát...” trở xuống là đích thực thành tựu hạnh Xả. Bố thí ba đời này chỉ xả bỏ tâm tham của mình, tương ứng với thiện căn không tham, thu nhận đưa vào trong này.

Lại luận chung về bốn câu: 1) Xả mà không phải là Bố thí, như bố thí ba đời, 2) Bố thí mà không phải là Xả, như tự mình ăn uống bố thí cho trùng trong thân... 3) Cũng Bố thí cũng Xả, như môn trước; 4) Không phải là Bố thí cũng không phải là Xả, như Tạng Tín... Vị lai-hiện tại cũng đều có ba nghĩa, giống như trên có thể biết. Trong tham ở hiện tại, trong pháp thanh tịnh chỉ nêu ra Nhị thừa, bởi vì duyên hiện tại của Phật Bồ-tát thành tựu không phải là không mong cầu, vốn không giống như quá khứ chưa tàn lụi và vị lai chưa đến bởi vì không có duyên khởi, cho nên không giống như trước.

Trong môn thứ mười có bốn: Một là người cầu xin đến; Hai là Bồ-tát vui mừng; Ba là quán xét lỗi lầm tai họa của thân; Bốn là ý thông suốt thành tựu Bố thí, nghĩa là dù cho vật tốt đẹp mà mình hãy còn thuận theo xả bỏ, huống gì vật xấu xa này? Lại dù cho không có lợi ích gì mà mình hãy còn thuận theo bố thí, huống hồ còn khiến cho mình đạt được ba pháp kiên cố, thân thể và tài sản tự tại hay sao?

Trong đoạn thứ bảy là Tạng Tuệ, giải thích có ba: Một, Trình bày chiếu rọi pháp thành tựu về Tuệ; Hai-Từ “Bồ-tát thành...” trở xuống là trình bày về tướng thành tựu lợi ích của Tuệ; Ba, Hiển bày về nghĩa vô tận.

Trong phần một có hai: Trước là trình bày về Tuệ tự chiếu rọi pháp, sau là trình bày về chính thức thuyết giảng cho người khác.

Trong phần trước: 1) Tổng quát nêu ra pháp đã nhận biết; 2) Giải thích về thành tựu năng lực nhận biết sâu xa tuyệt diệu.

Trong phần một dùng bốn Đế trải qua nhận biết về mười pháp, đó là năm Uẩn-Vô minh-Ái và Tam thừa. Năm Uẩn dựa theo quả nhiễm,

Si-Ái dựa theo nhân, bảy loại này đều ngay nơi tướng là Khổ, duyên thành tựu là Tập, Vô tánh tức là Diệt, hiển bày về Diệt là Đạo, dùng làm môn giải thích để hiển bày về Diệt. Lại là Bồ-tát khéo léo hồi hướng thành đạo đầy đủ công dụng, cho nên như luận về các Hoặc thành tựu Giác phần, sinh tử là Niết-bàn. Ba loại sau dựa theo thanh tịnh, Thanh văn là người, bốn Đế là pháp, Đạo phẩm đã thực hành là Tập, quả đã thành tựu là Niết-bàn, mười hai duyên là pháp của Duyên giác, vô biên pháp giới là pháp của Bồ-tát. Lại giải thích: Biết Thanh văn tức là biết Khổ, bởi vì Khổ của Thanh văn là đã biết, cho nên chỉ nêu ra phần vị ấy. Hai là pháp mà họ đã thực hành tức là Đạo đế. Ba là Tập khí phiền não... của họ chưa hết tức là Tập đế. Đã có đoạn trừ cho nên sau pháp mới nói về điều đó, Niết-bàn là Diệt. Duyên giác và Bồ-tát dựa theo đây có thể biết.

Trong phần hai là giải thích về năng lực nhận biết: Đầu là ý hỏi, nhận biết có hai loại, một là tùy theo tướng nhận biết như người Tiểu thừa, hai là hợp với lý nhận biết như hàng Bồ-tát. Nay chỉ nói về nhận biết, ở trong hai loại này thì loại nào nhận biết? Vì vậy nói là nhận biết thế nào? Sau là giải thích, chính là hợp với lý. Nhận biết có sáu câu: 1) Tổng quát nêu ra nhân phát khởi; 2) Từ “Phi ngã...” trở xuống là hai câu hiển bày về không có hai Ngã, câu trên trình bày về tướng không thật, câu dưới là Thể trống rỗng không có; 3) Từ “Bất thủ...” trở xuống là ba câu trình bày về đối với pháp lìa xa nhiễm, một là không giữ lấy kiên cố đối với câu trên trước đây, hai là không giữ lấy vốn có đối với câu dưới trước đây, ba từ “Tri nhất thiết...” trở xuống là giải thích về nguyên cớ không giữ lấy.

Trong phần sau là thuyết giảng cho người khác: Một là câu nêu ra; hai từ “Vân hà...” trở xuống là giải thích.

Trong giải thích có ba: 1) Tổng quát; 2) Từ “Hà đẳng...” trở xuống là riêng biệt, đối với mười pháp trước đây sơ lược nêu ra chín môn, bởi vì tức là cùng Như cho nên không thể hủy hoại; 3) Từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là đưa ra nguyên cớ. Trước là nêu ra hiện tại thấy sắc... là có thể phá hoại, vì sao nói là không hủy hoại? Giải thích bởi vì từ duyên khởi, mình và người cùng nói đều không đến, cho nên sắc-tâm cùng lìa xa.

Hai, Từ “Bồ-tát thành tựu...” trở xuống là trong phần thành tựu lợi ích của Tuệ, có hai câu: 1) Công ít mà đạt được nhiều; 2) Tự mình ngộ chứ không phải là người khác.

Ba, Trong phần hiển bày về nghĩa vô tận, trong mười câu: Ba câu đầu là Tự phần, trong đó hai câu trước là Tự lợi, một câu sau là Lợi tha;

bảy câu sau là Thắng tiến, trong đó bốn câu đầu là Tự lợi, ba câu sau là Lợi tha.

Trong đoạn thứ tám là Tạng Niệm, giải thích có ba: Một-Đối với cảnh trình bày về Niệm; hai-Từ “Bồ-tát...” trở xuống là hiển bày về tướng thù thắng của Niệm; ba-Từ “Bồ-tát tác thị...” trở xuống là làm sáng tỏ về tướng lợi ích của Niệm.

Trong phần một có mười câu: 1) Nhớ lại một đời quá khứ cho đến nhiều đời; 2) Nhớ lại một kiếp quá khứ cho đến nhiều kiếp; 3) Nhớ lại một Đức Phật cho đến vô lượng; 4) Nhớ lại một Đức Phật thọ ký cho đến vô lượng; 5) Nhớ lại một Đức Phật xuất thế cho đến vô lượng; 6) Nhớ lại từ một Đức Phật tiếp nhận kinh điển cho đến vô lượng, mười hai bộ kinh như chương khác; 7) Nhớ lại một Hội-một Thời thuyết pháp cho đến vô lượng; 8) Nhớ lại một căn thuộc pháp khí cho đến vô lượng; 9) Nhớ lại một phiền não đã đối trị cho đến vô lượng; 10) Nhớ lại một Tam-muội cho đến vô lượng.

Phần hai là hiển bày về tướng thù thắng của Niệm, có mười câu: 1) Niệm tuyệt diệu là tuyệt diệu vượt quá người khác; 2) Niệm thanh tịnh là đã ghi nhớ rõ ràng; 3) Niệm không hỗn loạn là không xen tạp tối tăm chướng ngại; 4) Niệm thanh tịnh khắp nơi là đối với pháp đều rõ ràng; 5) Niệm lìa xa trần cấu là đối với sự việc đã ghi nhớ không sinh tâm tham nhiễm; 6) Niệm lìa xa các loại trần cấu là không phát sinh những kiết khác; 7) Niệm lìa xa cấu nhiễm là không chấp vào năng lực của mình; 8) Niệm soi chiếu sáng ngời là soi chiếu rộng đến vô cùng tận; 9) Niệm vui thích là vui với tu tập không ngừng; 10) Niệm không ngăn ngại là ý phát khởi liền nhận biết không cần phải suy nghĩ.

Trong phần ba là làm sáng tỏ về lợi ích của Niệm, có bốn câu: 1) Thế gian khổ đau không hỗn loạn; 2) Căn thanh tịnh không cấu nhiễm; 3) Niệm kiên cố không hủy hoại; 4) Duy trì pháp không sai lầm.

Trong đoạn thứ chín là Tạng Trì, giải thích có mười một pháp: 1) Một phẩm kinh cho đến vô lượng; 2) Danh hiệu của Phật; 3) Tên gọi của thế giới; 4) Tên gọi của kiếp; 5) Phật thọ ký; 6) Một bộ kinh cho đến nhiều bộ kinh; 7) Tên gọi của Hội; 8) Thuyết pháp; 9) Căn cơ; 10) Phiền não; 11) Tam muội.

Trong phần sau là kết luận ca ngợi, chỉ riêng cảnh Phật vốn là hiển bày về nhân sâu xa thấu suốt quả.

Trong đoạn thứ mười là Tạng Biện cũng có bốn: Nêu ra-giải thích-kết luận-ca ngợi.

Trong giải thích có hai: Trước là nêu ra Thể của Biện, đó vốn là

Hậu đắc trí vô cùng sâu xa; sau là hiển bày công năng của Biện có hai: Một là Tự phần; hai từ “Thử Bồ-tát...” trở xuống là Thắng tiến.

Trong Tự phần: Đầu là mở rộng nói về không trái với kinh điển là tổng quát hiển bày; sau là riêng biệt phân rõ, trong đó có hai: Một là trình bày về thuyết giảng tự tại, nói về mười pháp đã duy trì trước đây; hai từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích về nguyên cố tự tại.

Trong phần hai là Thắng tiến có hai: Một, tổng quát hiển bày đó là ánh sáng của pháp phân rõ diễn giảng về pháp sâu xa; hai từ “Dĩ quảng trường...” trở xuống là riêng biệt phân rõ. Trong đó có hai: Trước là thuyết giảng vô ngại, có bốn câu: 1) Trình bày về lợi ích của thuyết giảng; 2) Từ “Thiện nhập...” trở xuống là tự tại đối với giáo; 3) Từ “Nhập phổ chiếu...” trở xuống là tự tại đối với nghĩa; 4) Từ “Bất xả...” trở xuống là trình bày về không sai lạc Tự hành. Sau từ “Hà dĩ...” trở xuống là giải thích về nguyên cố vô ngại, nghĩa là phần vị này tức là phần vị cứu cánh cho nên thành tựu Pháp thân thanh tịnh đầy khắp pháp giới hư không này, là Chân thân vô cấu cho nên nói là thanh tịnh.

Trong phần ca ngợi có mười câu: 1) Vô lượng là bởi vì nhiều môn; 2) Không có phạm vi giới hạn là mỗi một loại đều vốn là vô biên; 3) Nhiều môn không gián đoạn; 4) Dung hòa xen nhau không hủy hoại; 5) Tự Thể không đoạn mất; 6) Không bị duyên đoạn mất bởi vì không phải là pháp có thể đoạn mất; 7) Nói không có gì run sợ; 8) Xa xăm sâu thẳm; 9) Rộng rãi không cùng tận; 10) Thâu nhiếp pháp giải thích thành tựu.

Sáu, Kết luận ca ngợi về mười Tạng: Đầu là một câu kết luận, sau là ca ngợi về thù thắng. Trong phần ca ngợi về thù thắng: Đầu là một câu kết luận ca ngợi, nghĩa là vốn khiến cho chúng sinh đạt được Bồ-đề; sau là mười môn riêng biệt hiển bày. Riêng biệt giải thích chỉ có bảy câu, đều là nêu ra và giải thích: Một là ca ngợi về lợi ích thực hành; hai là thực hành thường xuyên; ba là thực hành rộng rãi; bốn là thực hành khéo léo; năm là thực hành nhiều; sáu là thực hành vững vàng; bảy là thực hành tiến vào lý.

Từ “Thị danh...” trở xuống là tổng quát kết luận ca ngợi. Sau phần này lẽ ra có phần Chứng thành và phần Kệ tụng..., nhưng vẫn không đủ, hoặc là bởi vì lược bớt mà thôi.

Trên đây là toàn bộ Hội thứ tư, xong.

